

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG ANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Thịnh Quang Thắng**.

*Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Dương Xuân Đỉnh**

2/ Bà **Hoàng Thị Hòa**

**- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thùy Dung** – Kiểm sát Viên.

Ngày 01/02/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 624/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về Việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020. Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST ngày 13/01/2021. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985; Cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt.*

2. Bị đơn: *Anh Đào Duy Q, sinh năm 1980; Cư trú tại: Thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội; Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2020, các lời khai bổ sung, chị Nguyễn Thị Thanh T - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Chị kết hôn với anh Đào Duy Q kết hôn ngày 22/02/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Cưới xong vợ chồng về ở với gia đình anh Q tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nuôi dạy

con cái và làm ăn kinh tế. Khoảng đầu năm 2016, anh Q có ý định đi làm ăn xa nhưng không hề bàn bạc với chị. Sau đó chị biết chuyện, chị và gia đình không đồng ý. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng nghiêm trọng. Khoảng tháng 2/2016, anh Q vẫn quyết định đi làm và không nói gì với chị, từ đó vợ chồng cũng ly thân. Anh Q thỉnh thoảng vẫn về nhưng không gặp chị. Chị không biết anh Q hiện đang làm ở đâu. Những lần chồng chị về nhà chị có hỏi hiện nay làm ở đâu và địa chỉ nhưng chồng chị đều không nói. Hiện nay vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn V, xã X, huyện Đ, Hà Nội ở từ năm 2016 đến nay. Nay quan điểm của chị xác định tình cảm không còn, anh Q cố tình dấu địa chỉ không đến Tòa án làm Việc gây khó khăn cho Việc chị xin ly hôn. Chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Khánh V, sinh ngày 04/3/2007. Hiện nay cháu Vy đang ở với chị. Tình trạng sức khỏe của cháu bình thường. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu V và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh Đào Duy Q là bị đơn đến Tòa án làm Việc nhưng anh Q không có mặt. Anh Q đã vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết, hòa giải nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh Q.

### **Tại phiên tòa:**

+ Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Q; Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Đào Khánh V, sinh ngày 04/3/2007, ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết và vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Bị đơn không chấp quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án nên cần kiến nghị, nhắc nhở.

- Về nội dung vụ án:

+ Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của chị T là hợp pháp, Việc chị T xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Đào Khánh V, sinh ngày 04/3/2007. Ly hôn, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu cả.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

##### **[1] Về quan hệ pháp luật:**

Chị T kết hôn với anh Đào Duy Q ngày 22/02/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, Hà Nội. Anh Q hiện cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

##### **[2] Về tố tụng:**

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên toà cho anh Đào Duy Q, nhưng anh Q vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án. Như vậy, anh Q đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Duy Q là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

##### **[3] Về nội dung:**

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh Đào Duy Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, làm ăn kinh tế. Vợ chồng chị T, anh Q đã ly thân nhiều năm nay. Nay chị T xin ly hôn, anh Q không có quan điểm và không trình bày nguyện vọng.

Căn cứ tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xã X, Công an xã X, bà Dương Thị Hải Y là mẹ đẻ chị T, bà Lê Thị Bích T1 là mẹ đẻ anh Q thể hiện: Anh chị có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ lâu. Hiện nay anh Q đi làm ăn ở đâu không biết nhưng vẫn liên hệ về gia đình và về thăm con. Nhưng anh Q tránh không gặp

chị T và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh để ổn định cuộc sống.

Xét thấy anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn quan T chăm sóc đến nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải vợ chồng nhưng anh chị không thể hàn gắn được mà vẫn mỗi người ở một nơi. Từ phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn với anh Q là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật nên được chấp nhận là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị T, anh Q có 01 con chung là Đào Khánh V, sinh ngày 04/3/2007. Nay cháu V đang ăn ở, học tập và sinh sống với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T: Hiện nay chị T vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu V đã ăn ở sinh sống ổn định với chị T và vẫn do chị T chăm sóc từ năm 2016 đến nay. Nguyện vọng của cháu V cũng được xin ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Từ những căn cứ trên, căn cứ vào thực tế, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất và tinh thần. Do đó, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết Việc cấp dưỡng nuôi chung cho đến khi nào các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Đào Duy Q. Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Đào Duy Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đào Khánh V, sinh ngày 04/3/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/0017872 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Chị Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Duy Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- UBND xã X
- Lưu hồ sơ.

**Thịnh Quang Thắng**